

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/02/2021

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa chị T và anh C”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Trần Danh Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Minh T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: TL, phường N, quận B, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Bình

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn C tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 07/8/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2015, anh C đã bỏ về Thôn C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Tuấn K, sinh ngày 19/01/2008 và Hà Tuấn L, sinh ngày 03/8/2011, hiện cả 02 con đang ở với chị T. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với ông ông Đặng Văn Quyền – chủ rể anh Hà Văn C, Công an xã và trưởng Thôn C, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ thấy: Chị Trần Minh T và anh Hà Văn C là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng, gia đình và cơ sở không biết. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh C, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh C có 02 con chung là Hà Tuấn K, sinh ngày 19/01/2008 và Hà Tuấn L, sinh ngày 03/8/2011, hiện cả 02 con đang ở với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T và anh C ly hôn, về nuôi con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung cơ sở không biết rõ.

Hiện tại, anh Hà Văn C và gia đình không ai có mặt tại địa phương nhưng họ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Đ, huyện P. Anh C và gia đình đều đi làm xa, không ai có mặt tại gia đình. Ở địa phương anh C có người thân là vợ chồng ông Đặng Văn Quyền (là chủ rể) và bà Hà Thị Phương (là cô ruột). Anh C thường xuyên liên hệ về với ông Quyền và bà Phương. Ông Quyền đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh C biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật của bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Minh T được ly hôn anh Hà Văn C; Về con chung: xử giao 02 con chung là Hà Tuấn K, sinh ngày 19/01/2008 và Hà Tuấn L, sinh ngày 03/8/2011 cho chị Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T

không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Anh C được quyền thăm nom con chung; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Trần Minh T khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Hà Văn C, do anh C là bị đơn cư trú tại *thôn C, xã Đ, huyện P*, tỉnh Thái Bình nên TAND quận B, Thành phố Hà Nội chuyển hồ sơ vụ án và TAND huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 41, khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Minh T và anh Hà Văn C xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân phường N, quận B, thành phố Hà Nội cấp đăng ký kết hôn số 138 ngày 07/8/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2015, anh C đã bỏ về Thôn C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt, không có thiện chí giải quyết vụ án, mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến nay vợ chồng vẫn tiếp tục ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Minh T và anh Hà Văn C có 02 con chung là Hà Tuấn K, sinh ngày 19/01/2008 và Hà Tuấn L, sinh ngày 03/8/2011, hiện cả 02 con chung đang ở với chị T. Ly hôn, chị T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con, còn anh C không có quan điểm trình bày. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T thấy, hiện tại cả 02 con chung đang ở với chị T, lại cùng có nguyện vọng được ở với mẹ, nên cần giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con là phù hợp tình hình thực tế của con chung, đáp ứng được nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Hà Văn C không có ý kiến trình bày nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Minh T và anh Hà Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Minh T được ly hôn anh Hà Văn C.

2. Về nuôi con chung: Xử giao 02 con chung là Hà Tuấn K, sinh ngày 19/01/2008 và Hà Tuấn L, sinh ngày 03/8/2011 cho chị Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Hà Văn C cấp dưỡng cho con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Minh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0024518 ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Minh T và anh Hà Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS quận B, TP Hà Nội;
- Nơi ĐKKH: UBND phường N, quận B, Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)

